

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sinh;
2. Ông Phạm Duy Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị S, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Mạ, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn T - Công chức UBND thị trấn B

(phiên dịch tiếng Hre).

(Chị S, ông K, ông T có mặt tại phiên tòa; anh Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/8/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:*

Chị S và anh Đ kết hôn vào ngày 24/10/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị S và anh Đ sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị S và anh Đ có 02 người con chung tên là Phạm Thị T1, sinh ngày 25/5/2010 và Phạm Văn T2, sinh năm 25/3/2018. Nay vợ chồng ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay anh Phạm Văn Đ vẫn không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của anh Đ.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203, 220, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điểm c, khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị T1, sinh ngày 25/5/2010 và Phạm Văn T2, sinh năm 25/3/2018 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng;

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị S.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Mạ, xã Ba Tô, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Phạm Văn Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; căn cứ theo điểm b, đ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của những người trên.

[1.4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện chị S yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu bổ sung gửi Tòa án ngày 11/3/2022 và tại phiên tòa chị S rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng chị S vẫn giữ nguyên quan điểm về việc rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị S là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về

cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điểm c, khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Chị S trình bày cuộc sống chung của chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị S xác nhận hiện nay hai người đã sống ly thân, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến gì, điều đó chứng tỏ chị S và anh Đ đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị S yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị S yêu cầu được nuôi 02 con chung là Phạm Thị T1, sinh ngày 25/5/2010 và Phạm Văn T2, sinh năm 25/3/2018, cháu T1 cũng có nguyện vọng sống cùng chị S. Anh Đ đến nay không có ý kiến, để đảm bảo cho cháu T1 và cháu T2 phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đảm bảo về việc học tập, Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con chung là Phạm Thị T1 và Phạm Văn T2 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 228, Điểm c, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị T1, sinh ngày 25/5/2010 và Phạm Văn T2, sinh năm 25/3/2018 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001006 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 01/4/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- UBND xã T, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Văn Ngoan